

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/HS-ST
Ngày 29/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phương Nghĩa
Bà Vương Ánh Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2024/TLST- HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 521/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 19/5/1990, tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nông Văn H - sinh năm 1965; Con bà: Mông Thị V - sinh năm 1967; Vợ: Bế Thị H1 - sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020, cùng trú tại xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Có 07 anh em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, đến ngày 22/7/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn Đ**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam

Sinh ngày 01/11/1987, tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: xóm B, xã C, huyện H, Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nông Văn H - sinh năm 1965; Con bà: Mông Thị V - sinh năm 1967; Vợ: Ma Thị Q sinh năm 1987; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013, cùng trú tại xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Có 07 anh em, bị cáo là con thứ 03.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, đến ngày 22/7/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nông Văn S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bé Thị H1 - sinh năm 1993;

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

- Ma Thị Q - sinh năm 1987;

Trú tại: Xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Đều có mặt.

Người làm chứng:

- Hoàng Văn B sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn G, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Phạm Thị G sinh năm 1997.

Trú tại: Xã L, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12h30 phút ngày 23 tháng 5 năm 2024 Công an xã Thống Nhất phối hợp Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện Nông Văn D điều khiển xe máy Honda Air Blade màu đỏ đen xám BKS 11B1 18111 chở Phạm Thị G sinh năm 1997, trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nông Văn Đ điều khiển xe máy Honda Air Blade màu đỏ đen BKS 11B1 372 92 chở Hoàng Văn B sinh năm 1989, trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang lưu thông theo hướng từ thị trấn T qua N, xã T hướng ra biên giới V1 có dấu hiệu về xuất nhập cảnh trái phép, tổ công tác đã tiến hành dừng xe kiểm tra phát hiện nhóm người này không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ vật chứng và chuyển vụ án đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C để điều tra theo thẩm quyền.

Tiến hành điều tra vụ án đã xác định được như sau: Đầu tháng 03/2024 có một người phụ nữ tên L (không biết họ, địa chỉ cụ thể) đang sinh sống ở Trung Quốc, dùng tài khoản "82" gọi qua We chat cho Nông Văn D, sau khi kết bạn với D qua tài khoản "Dân nông", L nói là biết mẹ vợ của D tên là Bế Thị N cũng đang sinh sống ở Trung Quốc, qua trao đổi L thuê D đón 02 người tại thị trấn T, huyện H đưa sang Trung Quốc làm thuê, nếu trót lọt L sẽ đưa tiền cho mẹ vợ của D để chuyển cho D, D đồng ý. Ngày 21/5/2024 L gọi cho D đón người để đưa qua mốc 896 thuộc xóm H, xã T, huyện H, sẽ được trả tiền công 100 CNY(nhân dân tộc)/01 người, đồng thời L gửi số điện thoại 0335 310 792 của một trong hai người xuất cảnh trái phép và tài khoản We chat "88" là của người đón ở mốc biên giới để Dân chủ động liên lạc. Khoảng 10h ngày 23/5/2024 L thông báo cho D biết khoảng 12h cùng ngày đón 02 người ở thị trấn T, huyện H, do quãng đường xa không chờ được 02 người nên D gọi cho anh trai là Nông Văn Đ cùng đến thị trấn T để đèo giúp 01 người và đưa đến khu vực mốc 896, D cũng nói cho Đ biết khi xong việc Đ sẽ nhận được 100 CNY, Đồng nhất trí. Khoảng 11h cùng ngày D từ nhà điều khiển xe máy đến thị trấn T, khi đến nơi D gọi vào số 0335 310 792 báo trả phòng nghỉ và ra ngã ba cây xăng thị trấn T để đón, sau khi đón được 02 người Dân nhấn thoại bằng tiếng dân tộc Tày với tài khoản "82" thông báo là đã đón được 02 người, đồng thời D cũng nhấn thoại với tài khoản "88" nhưng người này thông báo lại chưa lên đến cột mốc, sau đó D cùng hai người xuất cảnh trái phép đang chờ ở gần Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện H, thì thấy Nông Văn Đ điều khiển xe máy Honda Air Blade màu đỏ đen BKS 11B1 372 92 đến nơi, nên D và Đ mỗi người điều khiển 01 xe máy đèo theo 01 người hướng ra khu vực biên giới, nhưng khi nhóm người đang di chuyển đến khu vực xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì bị tổ công tác Công an huyện H phát hiện, ngăn chặn.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn Đ đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Cáo trạng số: 68/CT-VKSCB-P1 truy tố bị cáo Nông Văn D, Nông Văn Đ về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” là đúng, không oan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bế Thị H1 yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại cho bà chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE,

màu sơn: Đen Xám, biển kiểm soát: 11B1-187.11, chiếc xe máy này là tài sản chung của vợ chồng bà mua sau khi cưới vào năm 2016. Khi D mang xe máy đi thực hiện hành vi phạm tội bà không biết, chiếc xe máy này là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình bà. Mong Hội đồng xét xử xem xét trả lại toàn bộ chiếc xe máy cho bà để gia đình bà có phương tiện đi lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị Q yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại cho bà chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Đỏ, biển kiểm soát: 11B1-372.92, mua năm 2019. Chiếc xe máy này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và bị cáo Nông Văn Đ, khi Đ mang xe máy đi thực hiện hành vi phạm tội bà không biết, chiếc xe máy này là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình bà. Mong Hội đồng xét xử xem xét trả lại toàn bộ chiếc xe máy cho bà để gia đình bà có phương tiện đi lại.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Kháng định quyết định truy tố đối với bị cáo Nông Văn D, Nông Văn Đ về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn D, Nông Văn Đ phạm t “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ, đề nghị xử phạt bị cáo D từ 18 đến 24 tháng tù và bị cáo Đ từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục các bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động và ½ chiếc xe máy của Nông Văn D và Nông Văn Đ vì các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội; Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bé Thị H1 1/2 chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Xám, biển kiểm soát: 11B1-187.11 và bà Ma Thị Q 1/2 chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Đỏ, biển kiểm soát: 11B1-372.92

Đối với vật chứng là 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011283 mang tên Nông Văn D và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô

số 033235 mang tên Nông Văn Đ cần phải được xử lý kèm theo xe máy để thực hiện việc tịch thu phát mại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị miễn án cho các bị cáo.

Ông Nông Văn S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C bào chữa cho các bị cáo:

Nhất trí với cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, có trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thực hiện được đến cùng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại hai chiếc xe máy cho gia đình các bị cáo, trả lại điện thoại di động cho Nông Văn Đ và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định.

Các bị cáo không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ kết luận như sau:

Vì vụ lợi, khoảng tháng 03/2024 Nông Văn D nhận lời với một người phụ nữ tên L (không quen biết) qua mạng xã hội việc đón, đưa người xuất cảnh trái phép qua mốc biên giới 896 thuộc xã T, huyện H, với tiền công 100 CNY (nhân dân tệ)/01 người. Ngày 23/5/2024 L gọi cho D đến thị trấn T đón người, D gọi điện cho Nông Văn Đ đến giúp đèo 01 người và sẽ được trả 100 CNY, Đồng nhất trí. Khi ra đến nơi hẹn D đèo người phụ nữ là Phạm Thị G, còn Đ đèo người đàn ông Hoàng Văn B, khi nhóm người đang di chuyển hướng ra biên giới thì bị tổ công tác Công an huyện H phát hiện ngăn chặn, D và Đ chưa nhận được tiền công như đã thoả thuận.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để được hưởng lợi về kinh tế. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo tự ý đưa người xuất cảnh trái phép, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp khác. Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đồng đ là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt pháp luật và các quy định của địa phương.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Được chính quyền địa phương xác nhận trước khi phạm tội là những công dân tốt, sống ở xã có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, các con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Do đó, cả hai bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không có.

[4] Về hình phạt chính: Trong vụ án này hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nông Văn D là người trực tiếp liên hệ để đón người còn bị cáo Nông Văn Đ là đồng phạm giúp sức cho Nông Văn D. Cả hai bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú xác nhận chấp hành tốt pháp luật và các quy định của địa phương. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*.

Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Các vấn đề khác: Đối với người phụ nữ tên L dùng tài khoản "82" thuê Nông Văn D đón người xuất cảnh trái phép, ngoài lời khai D ra không còn tài liệu nào khác, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để tương trợ tư pháp và mở rộng để điều tra vụ án.

Đối với tài khoản "88" đón người xuất cảnh trái phép ở mốc biên giới, do D và Đ đã bị bắt quả tang, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục điều tra.

Đối với hai công dân xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra phối hợp với chính quyền địa phương có biện pháp giáo dục nhắc nhở không để tái phạm.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động của Nông Văn D và Nông Văn Đ vì các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Xe máy là tài sản chung của vợ chồng, là phương tiện duy nhất của gia đình các bị cáo, các bị dùng tài sản chung của vợ chồng làm phương tiện phạm tội vợ các bị cáo không biết. Do vậy, cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ chiếc xe máy và trả lại trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe máy cho vợ của các bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ về Mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn D 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước phong bì ghi "Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Nông Văn D", mặt sau phong bì có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước phong bì ghi "Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của Nông Văn Đ", mặt sau phong bì có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình dấu giáp lai màu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

+ ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 11B1-372.92, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Đỏ, số máy: JF63E2470260, số khung: RLHJF6323KZ064261, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2019, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ, xe không có

chìa khóa. Kèm theo xe là 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033235 mang tên Nông Văn Đ.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/6/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

+ ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 11B1-187.11, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Xám, số máy: JF63E1070362, số khung: RLHJF6301FZ070340, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2016, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ, xe không có chìa khóa. Kèm theo xe là 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011283 mang tên Nông Văn D;

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/6/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ma Thị Q (Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng) giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 11B1-372.92, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Đỏ, số máy: JF63E2470260, số khung: RLHJF6323KZ064261, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2019, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ, xe không có chìa khóa kèm theo.

+ Bà Bé Thị H1 (Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 11B1-187.11, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIR BLADE, màu sơn: Đen Xám, số máy: JF63E1070362, số khung: RLHJF6301FZ070340, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2016, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ, xe không có chìa khóa kèm theo.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 138 ngày 21/8/2024.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nông Văn D và Nông Văn Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA (2);
- Sở Tư pháp CB;
- PC 10 - CA tỉnh;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Nghĩa

Vương Ánh Ngân

Nguyễn Thị Vân Khánh